

Số: 395/KH-THTXB

Tân Xuân, ngày 31 tháng 8 năm 2024

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024 – 2025**

**Chủ đề năm học “Đoàn kết, kỷ cương, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng
Giáo dục và Đào tạo”**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 29 -NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ Công văn 3535/BGDĐT ngày 19/8/2019 về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm trong chương trình GDPT 2018;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2024;

Căn cứ Công văn số 909/PGDĐT-TH ngày 08/8/2024 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức, hoạt động giáo dục STEM trong các trường tiểu học.

Căn cứ Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 2512/SGDĐT-GDTHMN ngày 04/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

Thực hiện Công văn số 919/PGDĐT-TH ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Phòng GD&ĐT thành phố Đồng Xoài về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025.

Trường Tiểu học Tân Xuân B xây dựng kế hoạch giáo dục, năm học 2024 – 2025 như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2024-2025

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

1.1. Thời cơ

Phường Tân Xuân là một trong sáu phường thuộc trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội của thành phố Đồng Xoài. Diện tích tự nhiên là **998,6** ha; dân số hiện có 3326 hộ, với 15381 nhân khẩu, được chia thành 7 khu phố. Phía Đông giáp xã Tân Phước huyện Đồng Phú. Phía Tây giáp phường Tân Bình. Phía Nam giáp xã Tiến Hưng. Phía Bắc giáp phường Tân Thiện.

Những năm vừa qua phường Tân Xuân đã được các cấp lãnh đạo quan tâm và đã đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường, trạm. Đối với ngành giáo dục cơ sở vật chất đã được cải thiện khá nhiều với 100% số phòng học là phòng cấp 3 trở lên.

Sự nghiệp giáo dục địa phương đã có những bước phát triển và đạt được một số kết quả khá khả quan: Số giáo viên đã đáp ứng gần đủ nhu cầu học tập từ bậc mầm non đến bậc trung học cơ sở. Số giáo viên có bằng trên chuẩn ngày càng nhiều, chất lượng học sinh ngày càng được nâng cao. Tỷ lệ đạt chuẩn về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS ngày càng nâng cao. Số người mù chữ 15-35 tuổi ngày càng giảm, công tác chống tái mù chữ được đẩy mạnh. Bên cạnh đó công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi là một chủ trương lớn của Đảng và nhà nước đã được Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN phường rất quan tâm chỉ đạo ngành giáo dục phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể của phường thực hiện tốt kế hoạch đề ra. Tập trung chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình.

1.2. Thách thức

- Đòi hỏi phải xây dựng lộ trình phân đầu xây dựng trường học thông minh; dạy học song ngữ, kiểm định chất lượng (công nhận trường đạt chuẩn quốc gia).
- Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ học sinh và xã hội.
- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.
- Khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên, nhân viên.
- Đảm bảo đón đầu sự phát triển của giáo dục trong tương lai.
- Nhu cầu đổi mới mà bắt đầu bằng đổi mới tư duy.
- Công bố chất lượng và thương hiệu của trường.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024 - 2025

- Trường nằm ở trung tâm phường Tân Xuân với địa thế, cảnh quan, khuôn viên đẹp, được xây dựng khang trang, vệ sinh môi trường sạch sẽ. Nhà trường luôn đón nhận được quan tâm của các cấp, các ngành, các bậc CMHS. Đây là điều kiện rất thuận lợi cho việc dạy và học đạt kết quả cao. Địa điểm trường đặt tại tổ 2, khu phố

Tân Trà phường Tân Xuân, phía Đông giáp Trạm điện, phía Tây giáp đường ĐT741, phía Nam giáp đường Nguyễn Huệ và phía Bắc giáp nhà dân. Nhìn chung, địa điểm xây dựng trường đảm bảo môi trường giáo dục, an toàn cho người học, người dạy và người lao động.

- Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo các cấp và Phòng Giáo dục và Đào tạo, Đảng uỷ, chính quyền địa phương, sự hỗ trợ nhiệt tình của các ban ngành, đoàn thể, các cơ quan đóng trên địa bàn phường, các tổ chức xã hội và các đơn vị kết nghĩa giúp cho Nhà trường có điều kiện thuận lợi để tổ chức các hoạt động giảng dạy và giáo dục.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có tinh thần trách nhiệm trong công việc, yêu nghề, ý thức tổ chức kỷ luật cao, có ý thức học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, 97.9% giáo viên đạt chuẩn; 1 giáo viên sắp đến tuổi nghỉ hưu.

- Kinh tế xã hội ở địa phương phát triển ổn định, đời sống người dân được nâng cao hơn trước, phần lớn cha mẹ học sinh đều quan tâm đến việc học tập của con cái, luôn hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Trong năm học này, sĩ số học sinh trên lớp khá đông nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng chung. Một số giáo viên đã lớn tuổi nên việc tiếp cận với phương pháp dạy học mới còn khó khăn, kỹ năng sử dụng các thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin còn chậm.

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2024 – 2025, trường TH Tân Xuân B có: Tổng số: 32 lớp/1187/569 nữ/26 dân tộc/16 nữ dân tộc/14/5 nữ HS khuyết tật. (bình quân 37.1 HS/lớp). Trong đó:

- Lớp học 2 buổi/ngày: 32 lớp/1187/569 nữ/26 dân tộc/16 nữ dân tộc/14 HS khuyết tật. So với năm học 2023 – 2024 tăng 2 lớp/47HS; So với kế hoạch năm học 2024 -2025 đã duyệt vào tháng 3: tăng 14 em.

- Lớp học bán trú: 27 lớp/962HS. So với kế hoạch năm học 2024 -2025 đã duyệt vào tháng 3: giảm 9 em. (Mẫu 2 đính kèm).

* Tỷ lệ huy động học sinh 6 tuổi trên địa bàn học lớp 1: (Mẫu 1 đính kèm)

Năm học 2024-2025 nhà trường tuyển sinh theo kế hoạch được giao (Kế hoạch số 505/KH- ngày 26/4/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đồng Xoài về việc tuyển sinh vào Mầm non, lớp 1, lớp 6, năm học 2024- 2025).

+ Số chỉ tiêu giao: 245HS

+ Thực tuyển: 241/105 nữ.

- Số HS do phòng Giáo dục và Đào tạo duyệt và tuyển giấy: 241 em. Trong đó

Số tuyển đúng tuyển theo quy định: **210** HS (Trong đó học tại trường là 176 em; học các trường lân cận: 34 em “ Học tại TXC: 23 em; TP: 2 em, TPB: 2 em, TB: 2 em, Đồng Tiến: 1 em, Tân Thiện: 1em, HCM: 1 em, 1 em KT xin sang năm học, 1 em thiếu tuổi”).

- Số trái tuyển do phòng Giáo dục và Đào tạo giới thiệu: **65** em. Trong đó
- + Trái tuyển trong địa bàn thành phố: **65** HS
- + Trái tuyển ngoài địa bàn thành phố: 0 em
- + Dự báo số học sinh bỏ học: Không

*** Điểm mạnh:**

- Nhà trường luôn đón nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành về công tác huy động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số học sinh, thực hiện tốt công tác tuyển sinh đầu cấp.

- Đa số học sinh chăm ngoan, tích cực thực hiện tốt các quy định, nội quy của nhà trường, có ý thức bảo vệ của công, chủ động tham gia các hoạt động của trường, liên đội.

*** Điểm yếu:**

- Sĩ số học sinh trên lớp đông so với điều lệ (37.1 em/lớp) dẫn đến việc thực hiện giảng dạy theo hướng đổi mới còn gặp nhiều khó khăn.

- Một số phụ huynh chưa quan tâm đến việc học tập của con, em còn phó mặc cho nhà trường (nhiều em bỏ mẹ, bỏ nhau ở với ông bà, nhiều em từ nơi khác đến tạm trú, nhiều em có biểu hiện tăng động, tiếp thu chậm, có em học tới 3 năm lớp 1 vẫn chưa biết đọc, viết, có một số em trông bề ngoài khôi ngô tuấn tú nhưng học trước quên sau, tự ti, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục chung).

- Học sinh là con em gia đình khó khăn chiếm 9.8% (116 em) học sinh toàn trường.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý: (Mẫu 3,4,5 đính kèm)

- CB - GV - VC luôn có tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, yên tâm trong công tác. Quán triệt và triển khai đầy đủ các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của nhà trường đến mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên. Triển khai, thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo về công tác phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội; thực hiện tốt phòng chống dịch bệnh theo mùa.

- Tổ chức học tập và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Hai không” của Bộ Giáo dục & Đào tạo với 4 nội dung: “nói không với tiêu cực trong thi cử, bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và tình trạng học sinh ngồi nhầm lớp khắc phục bệnh thành tích”. Đề cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức kỷ luật. Phòng chống suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục trên khung chương trình giáo dục của Bộ giáo dục .Tăng cường nền nếp, kỷ cương

và chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường. Tập trung nâng cao chất lượng đại trà, đặc biệt chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh;

- Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực, phương pháp giáo dục kỷ luật tích cực; Đổi mới chương trình giáo dục, công tác kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục. Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, đổi mới sinh hoạt tổ/ nhóm chuyên môn để nâng cao chất lượng đội ngũ.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 54/48 nữ. Trong đó:

- + Ban giám hiệu: 3/3 nữ

- + Giáo viên đứng lớp 45/40 nữ (1 TPTĐ) (2 GV hợp đồng 111)

- + Nhân viên: 6/5 nữ (Trong đó 4 hợp đồng 111: 2 bảo vệ, 1 phục vụ, 1 văn thư)

Trình độ đào tạo của giáo viên (Đạt chuẩn: 44/39 nữ, Tỷ lệ: 97.77%; trên chuẩn: Không.

Sắp đến tuổi nghỉ hưu: 1/1 nữ

*** Điểm mạnh:**

- CB – GV - NV luôn có tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, yên tâm trong công tác. Thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo về công tác phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội.

- Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục trên khung chương trình giáo dục của Bộ giáo dục.

- CB-GV-NV thực hiện tốt việc học tập và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Hai không” của Bộ Giáo dục & Đào tạo với 4 nội dung: “nói không với tiêu cực trong thi cử, bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và tình trạng học sinh ngồi nhầm lớp khắc phục bệnh thành tích”. Đề cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức kỷ luật. Phòng chống suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục trên khung chương trình giáo dục của Bộ giáo dục. Tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường. Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật, phương pháp giáo dục tích cực; Thực hiện đổi mới chương trình giáo dục, công tác kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục. Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, đổi mới sinh hoạt tổ/ nhóm chuyên môn để nâng cao chất lượng đội ngũ.

- Thường xuyên bồi dưỡng, đổi mới sinh hoạt tổ/ nhóm chuyên môn để nâng cao chất lượng đội ngũ.

*** Điểm yếu:**

- Một vài giáo viên lớn tuổi kỹ năng sử dụng các thiết bị hiện đại và ứng dụng

công nghệ thông tin còn chậm trong dạy học.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường; cơ sở vật chất thực hiện bán trú. (Mẫu 6,7 đính kèm).

Tổng số phòng học của trường có 40 phòng học (trong đó có 36 phòng học cấp 3, 4 học học cấp 4 đã xuống cấp không thể học). Đủ để tổ chức cho 100% học sinh học 2 buổi/ngày.

- Số bàn ghế 2 chỗ ngồi theo quy định: 621 bộ. Cần bổ sung: 120 bộ cho 6 phòng học chưa có bàn ghế.

- Số bảng chống loá: 32 bảng/32 phòng. Cần bổ sung: Không

- Số ti vi: 32 cái/32 phòng. Cần bổ sung: 6 ti vi cho 6 phòng học chưa có.

- Khối phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học (theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT): cơ bản đủ các phòng.

- Nhà trường có khu vệ sinh dành riêng cho giáo viên và học sinh; có nhà để xe cho GV, không có nhà xe cho HS; có hệ thống nước sạch (giếng khoan, 1 nước máy); có hệ thống thoát nước, thu gom rác.

- Sách, báo và tài liệu tham khảo đã có đầy đủ theo quy định. Cần bổ sung một số sách tham khảo mới phục vụ cho việc dạy và học.

- Các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chưa được đầy đủ theo quy định. Cần bổ sung thiết bị mới phục vụ cho việc dạy và học.

- Việc sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ lên lớp và tự làm một số đồ dùng dạy học được giáo viên quan tâm thực hiện thường xuyên trong các tiết học.

- Công tác chỉ đạo giáo viên sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ lên lớp: Việc sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ lên lớp và tự làm một số đồ dùng dạy học được giáo viên quan tâm thực hiện thường xuyên trong các tiết học. Các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định. Cần bổ sung: Một số thiết bị lớp 1,2 và toàn bộ thiết bị lớp 3,4,5 theo chương trình GDPT 2018.

*** Điểm mạnh:**

Các phòng học đã được xây dựng kiên cố, đầy đủ bảng, bàn ghế cho giáo viên và học sinh. Năm học này được sự quan tâm của quý cấp lãnh đạo trường đã được tu sửa 4 phòng học khang trang sạch đẹp.

- Thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng hiệu quả các phòng học văn hoá, phòng bộ môn, nhà vệ sinh, nhà ăn, nhà bếp và công trình nước sạch, các thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có.

*** Điểm yếu:**

- Phòng chức năng có nhưng diện tích quá nhỏ không đáp ứng được so với số lượng học sinh/lớp (40m²).

- Khu hiệu bộ đã xuống cấp nhưng chưa được sửa chữa.

- Thiết bị dạy học tối thiểu cho từng khối lớp chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học.
- Chưa có phòng lab cho học sinh học Tiếng anh.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2024-2025

1. Mục tiêu chung

1. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

2. Chú trọng thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để có đủ giáo viên, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học.

5. Tiếp tục thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Phẩm chất và năng lực

- 100% học sinh có phẩm chất tốt, biết kính trọng thầy cô, người lớn tuổi; biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn môi trường, bảo vệ của công và có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- 100% học sinh được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

- 100% học sinh được đánh giá đạt và tốt không có học sinh xếp loại cần cố gắng.

*** Chỉ tiêu về năng lực, phẩm chất:**

Mức độ hình thành và phát triển		Khối	Học sinh toàn trường							Trong đó học sinh khuyết tật						
			HS đánh giá chung	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		T S H S Đ G R	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
				TS	%	TS	%	T S	%		T S	%	T S	%	T S	%
Phẩm chất	Yêu nước	1	243	164	67,5	79	32,5	0	0,0	6	0	0,0	6	100	0	0,0
		2	189	139	73,5	50	26,5	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		3	257	206	80,2	51	19,8	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	175	67,3	85	32,7	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	159	66,8	82	34,5	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		Tổng	1.187	164	13,8	80	6,7	0	0,0	14	0	0,0	14	100	0	0,0
	Nhân ái	1	243	165	67,9	78	32,1	0	0,0	6	0	0,0	6	100	0	0,0
		2	189	131	69,3	58	30,7	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		3	257	202	78,6	55	21,4	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	176	67,7	84	32,3	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	165	69,3	75	31,5	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		Tổng	1.187	162	13,6	350	29,5	0	0,0	14	0	0,0	14	100	0	0,0
	Chăm chỉ	1	243	159	65,4	83	34,2	1	0,4	6	0	0,0	6	100	0	0,0
		2	189	128	67,7	61	32,3	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		3	257	181	70,4	76	29,6	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	171	65,8	89	34,2	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	155	65,1	83	34,9	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		Tổng	1.187	0	67,2	0	32,8	0	0,0	14	0	0,0	14	100	0	0,0
	Trung thực	1	243	164	67,5	79	32,5	0	0,0	6	0	0,0	6	100	0	0,0
		2	189	136	72,0	53	28,0	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		3	257	187	72,8	70	27,2	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	178	68,5	82	31,5	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	169	71,0	69	29,0	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		Tổng	1.187	834	70,3	353	29,7	0	0,0	14	0	0,0	14	100	0	0,0
	Trách nhiệm	1	243	159	65,4	83	34,2	1	0,4	6	0	0,0	6	100	0	0,0
		2	189	129	68,3	60	31,7	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		3	257	168	65,4	89	34,6	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	174	66,9	86	33,1	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	163	68,5	75	31,5	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		Tổng	1.187	793	66,8	393	33,1	1	0,1	14	0	0,0	14	100	0	0,0
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	1	243	159	65,4	83	34,2	1	0,4	6	0	0,0	6	100	0	0,0
		2	189	127	67,2	62	32,8	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		3	257	164	63,8	93	36,2	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	167	64,2	93	35,8	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	152	63,9	86	36,1	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		Tổng	1.187	769	64,8	417	35,1	1	0,1	14	0	0,0	14	100	0	0,0
	Giao	1	243	160	65,8	82	33,7	1	0,4	6	0	0,0	6	100	0	0,0

	tiếp và hợp tác	2	189	132	69,8	57	30,2	0	0,0	3	0	0,0	3	100		0,0
		3	257	162	63,0	95	37,0	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	167	64,2	93	35,8	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	152	63,9	86	36,1	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		Tổng	1.187	773	65,1	413	34,8	1	0,1	14	0	0,0	14	100	0	0,0
	Giải quyết t vấn đề và sáng tạo	1	243	157	64,6	85	35,0	1	0,4	6	0	0,0	6	100	0	0,0
		2	189	126	66,7	63	33,3	0	0,0	3	0	0,0	3	100		0,0
		3	257	160	62,3	97	37,7	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	164	63,1	96	36,9	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	155	65,1	83	34,9	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
	Tổng	1.187	762	64,2	424	35,7	1	0,1	14	0	0,0	14	100	0	0,0	
	Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	1	243	165	67,9	78	32,1	0	0,0	6	0	0,0	6	100	0
2			189	132	69,8	57	30,2	0	0,0	3	0	0,0	3	100		0,0
3			257	181	70,4	76	29,6	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
4			260	171	65,8	89	34,2	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
5			238	166	69,7	72	30,3	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
Tổng			1.187	815	68,7	372	31,3	0	0,0	14	0	0,0	14	100	0	0,0
Tinh Toán		1	243	162	66,7	80	32,9	1	0,4	6	0	0,0	6	100	0	0,0
		2	189	126	66,7	63	33,3	0	0,0	3	0	0,0	3	100		0,0
		3	257	168	65,4	89	34,6	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	170	65,4	90	34,6	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	138	58,0	100	42,0	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		Tổng	1.187	764	64,4	422	35,6	1	0,1	14	0	0,0	14	100	0	0,0
Khoa học		1	243	165	67,9	78	32,1	0	0,0	6	0	0,0	6	100	0	0,0
		2	189	134	70,9	55	29,1	0	0,0	3	0	0,0	3	100		0,0
		3	257	167	65,0	90	35,0	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	164	63,1	96	36,9	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	148	62,2	90	37,8	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		Tổng	1.187	778	65,5	409	34,5	0	0,0	14	0	0,0	14	100	0	0,0
Côn g nghệ		3	257	171	66,5	86	33,5	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	168	64,6	92	35,4	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	156	65,5	82	34,5	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		Tổng	755	495	65,6	260	34,4	0	0,0	5	0	0,0	5	100	0	0,0
Tin học		3	257	170	66,1	87	33,9	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	164	63,1	96	36,9	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	167	70,2	71	29,8	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		Tổng	755	501	66,4	254	33,6	0	0,0	5	0	0,0	5	100	0	0,0
Thả m mĩ		1	243	162	66,7	81	33,3	0	0,0	6	0	0,0	6	100	0	0,0
		2	189	125	66,1	64	33,9	0	0,0	3	0	0,0	3	100		0,0
		3	257	165	64,2	92	35,8	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	167	64,2	93	35,8	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	156	65,5	82	34,5	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0

		Tổng	1.187	775	65,3	412	34,7	0	0,0	14	0	0,0	14	100	0	0,0
	Thẻ chất	1	243	173	71,2	70	28,8	0	0,0	6	0	0,0	6	100	0	0,0
		2	189	133	70,4	56	29,6	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		3	257	172	66,9	85	33,1	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
		4	260	172	66,2	88	33,8	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		5	238	164	68,9	74	31,1	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
		Tổng	1.187	814	68,6	373	31,4	0	0,0	14	0	0,0	14	100	0	0,0

2.2. Môn học và hoạt động giáo dục

MÔN	Khối	TSHS	Học sinh toàn trường						Trong đó học sinh khuyết tật đánh giá riêng							
			Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		TSHS ĐGR	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		
			TS	%	TS	%	TS	%		TS	%	TS	%	TS	%	
Tiếng Việt	1	243	161	66,3	75	30,9	7	2,9	6	0	0,0	6	100	0	0,0	
	2	189	128	67,7	61	32,3	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0	
	3	257	170	66,1	87	33,9	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0	
	4	260	154	59,2	105	40,4	1	0,4	1	0	0,0	1	100	0	0,0	
	5	238	132	55,5	106	44,5	1	0,4	1	0	0,0	1	100	0	0,0	
	Cộng	1187	745	62,8	434	36,6	9	0,8	14	0	0,0	14	100	0	0,0	
Toán	1	243	162	66,7	74	30,5	7	2,9	6	0	0,0	6	100	0	0,0	
	2	189	129	68,3	60	31,7	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0	
	3	257	168	65,4	89	34,6	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0	
	4	260	150	57,7	109	41,9	1	0,4	1	0	0,0	1	100	0	0,0	
	5	238	138	58,0	100	42,0	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0	
	Cộng	1187	747	62,9	432	36,4	8	0,7	14	0	0,0	14	100	0	0,0	
TN&XH	1	243	160	65,8	83	34,2	0	0,0	6	0	0,0	6	100	0	0,0	
	2	189	125	66,1	64	33,9	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0	
	3	257	178	69,3	79	30,7	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0	
	Cộng	689	463	67,2	226	32,8	0	0,0	12	0	0,0	12	100	0	0,0	
Khoa học	4	260	155	59,6	105	40,4	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0	
	5	238	156	65,5	82	34,5	1	0,4	1	0	0,0	1	100	0	0,0	
	Cộng	498	311	62,4	187	37,6	1	0,2	2	0	0,0	2	100	0	0,0	
Lịch sử và Địa lí	4	260	151	58,1	109	41,9	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0	
	5	238	149	62,6	89	37,4	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0	
	Cộng	498	300	60,2	198	39,8	0	0,0	2	0	0,0	2	100	0	0,0	
Tiếng Anh	2	189	129	68,3	60	31,7	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0	
	3	257	160	62,3	97	37,7	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0	
	4	260	157	60,4	103	39,6	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0	
	5	238	132	55,5	106	44,5	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0	
	Cộng	944	578	61,2	366	38,8	0	0,0	8	0	0,0	8	100	0	0,0	
Tin học	3	257	169	65,8	88	34,2	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0	
	4	260	156	60,0	104	40,0	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0	
	5	238	167	70,2	71	29,8	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0	
	Cộng	755	492	65,2	263	34,8	0	0,0	5	0	0,0	5	100	0	0,0	

Đạo đức	1	243	166	68,3	77	31,7	0	0,0	6	0	0,0	6	100	0	0,0
	2	189	132	69,8	57	30,2	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
	3	257	171	66,5	86	33,5	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
	4	260	171	65,8	89	34,2	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
	5	238	149	62,6	89	37,4	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
	Cộng	1187	789	66,5	398	33,5	0	0,0	14	0	0,0	14	100	0	0,0
Âm nhạc (NT)	1	243	156	64,2	87	35,8	0	0,0	6	0	0,0	6	100	0	0,0
	2	189	124	65,6	65	34,4	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
	3	257	167	65,0	90	35,0	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
	4	260	153	58,8	107	41,2	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
	5	238	149	62,6	89	37,4	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
	Cộng	1187	749	63,1	438	36,9	0	0,0	14	0	0,0	14	100	0	0,0
Mĩ thuật (NT)	1	243	159	65,4	84	34,6	0	0,0	6	0	0,0	6	100	0	0,0
	2	189	124	65,6	65	34,4	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
	3	257	171	66,5	86	33,5	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
	4	260	154	59,2	106	40,8	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
	5	238	135	56,7	103	43,3	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
	Cộng	1187	743	62,6	444	37,4	0	0,0	14	0	0,0	14	100	0	0,0
Công nghệ	3	257	170	66,1	87	33,9	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
	4	260	155	59,6	105	40,4	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
	5	238	156	65,5	82	34,5	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
	Cộng	755	481	63,7	274	36,3	0	0,0	5	0	0,0	5	100	0	0,0
GDTC	1	243	165	67,9	78	32,1	0	0,0	6	0	0,0	6	100	0	0,0
	2	189	130	68,8	59	31,2	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
	3	257	190	73,9	67	26,1	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
	4	260	154	59,2	106	40,8	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
	5	238	138	58,0	100	42,0	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
	Cộng	1187	777	65,5	410	34,5	0	0,0	14	0	0,0	14	100	0	0,0
HD Trải nghiệm	1	243	164	67,5	79	32,5	0	0,0	6	0	0,0	6	100	0	0,0
	2	189	133	70,4	56	29,6	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
	3	257	180	70,0	77	30,0	0	0,0	3	0	0,0	3	100	0	0,0
	4	260	165	63,5	95	36,5	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
	5	238	162	68,1	76	31,9	0	0,0	1	0	0,0	1	100	0	0,0
	Cộng	1187	804	67,7	383	32,3	0	0,0	14	0	0,0	14	100	0	0,0

- Chất lượng học tập:

- + 100% HS hoàn thành chương trình tiểu học
- + 99,4% trở lên HS hoàn thành chương trình lớp học
- + 100% học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, biết giao tiếp có văn hóa, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội.
- Học sinh khen thưởng: 62% - 65%
- Cụ thể:

+ Hoàn thành chương trình lớp học:

Khối	TSHS				Hoàn thành						Chưa hoàn thành						Ghi chú
	HS	Nữ	DT	Nữ	TS	Nữ	%	D T	N ữ	%	TS	Nữ	%	D T	N ữ	%	
1	243	105	8	3	236	103	97,1	6	4	75,0	7	2	2,9	0	0	0,0	
2	189	94	5	4	189	95	100	5	4	100	0	0	0,0	0	0	0,0	
3	257	133	8	5	257	133	100	8	5	100	0	0	0,0	0	0	0,0	
4	260	122	2	2	260	122	100	2	2	100	0	0	0,0	0	0	0,0	
5	238	115	5	4	238	115	100	5	4	100	0	0	0,0	0	0	0,0	
Tổng	1187	569	28	18	1180	568	99,4	26	19	92,9	7	2	0,6	0	0	0,0	

+ Khen thưởng:

Khối	TSHS	Khen thưởng								HSDG riêng
		Khen cuối năm học				Khen đột xuất	Khen			
		Khen HTXS		Khen tiến bộ vượt bậc (Hoàn thành Tốt)			thành tích đặc biệt			
		Số lượng	%	Số lượng	%		Số lượng	%		
1	243	80	32,9	73	30,0	0	0	0	0	0
2	189	77	40,7	45	23,8	0	0	0	0	0
3	257	96	37,4	70	27,2	0	0	0	0	0
4	260	83	31,9	83	31,9	0	0	0	0	0
5	238	85	35,7	68	28,6	0	0	0	0	0
TT	1187	421	35,5	339	28,6	0	0	0	0	0

+ Vở sạch chữ đẹp:

Khối	TSHS	Xếp loại vở						Xếp loại chữ viết					
		Chưa sạch		Sạch		Sạch đẹp		VCD		Viết đúng		Viết ĐĐ	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	243	7	2,9	149	61,3	87	35,8	7	2,8	161	66,3	75	30,9
2	189	0	0,0	104	55,0	85	45,0	0	0,0	119	63,0	70	37,0
3	257	0	0,0	134	52,1	123	47,9	0	0,0	150	58,4	107	41,6
4	260	0	0,0	178	68,5	82	31,5	0	0,0	193	74,2	67	25,8
5	238	0	0,0	167	70,2	71	29,8	0	0,0	171	71,8	67	28,2
TỔNG	1187	7	0,6	732	61,7	448	37,7	7	0,6	794	66,9	386	32,5

2.3. Các phong trào hội thi

* Đối với giáo viên

- Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 33 GV, tỉ lệ: 73.3%; Cấp thành phố: 10 GV, tỉ lệ: 22,2%;

- Hội thi STKT cấp thành phố: 02 sản phẩm, mô hình

* Đối với học sinh

Hội thi	Trường	Thành phố	Tỉnh
IOE	39	17	9
VIOLYMPIC	33	19	7
Thể dục thể thao	45	3	0
Hùng biện song ngữ Anh – Việt	9	3	0
Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng	8	2	0
Robotics	3	2	0
Đánh máy tính 10 ngón	10	2	0
Hội thi vẽ tranh	25	2	0

+ Kể chuyện theo sách: Cấp trường 5 giải, tham gia cấp thành phố đủ các nội dung phần đầu đạt giải khuyến khích toàn đoàn.

+ Sáng tạo TTNND cấp thành phố: 1-2 sản phẩm vào vòng chung khảo.

+ Hoàn thành tốt các phong trào thi đua khác trong năm.

* Chỉ tiêu số liệu HS phổ cập bơi

Khối	TSHS	HS biết bơi		HS chưa biết bơi		Chỉ tiêu giao tính đến hết ngày 31/5/2025	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Dự kiến số lượng HS biết bơi	Giao tỷ lệ
1	243	9	3,7	234	96,2	147	60,4
2	190	39	16,3	151	79,5	133	70
3	257	85	30,0	172	66,9	194	75,4
4	259	73	20,5	186	71,8	209	80,6
5	238	108	37%	130	55%	203	85,2
TC	1187	314	26,5	873	73,5	886	74,64

2.4. Chất lượng đội ngũ

- Năng lực của cán bộ quản lý: Đáp ứng theo yêu cầu công việc

- Trình độ đào tạo của giáo viên: Đạt chuẩn: 44 người/45, tỉ lệ: 97,8%;

- Đánh giá viên chức: Chỉ tiêu: 20% viên chức được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 75% viên chức được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, 5% viên chức được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ.

- Đánh chuẩn GV Tốt: 28/25 nữ, tỉ lệ: 62.2%; Khá: 17/15 nữ, tỉ lệ: 37.8%.
- Bồi dưỡng CM, BDTX Giỏi: 28 GV, tỉ lệ: 62.2%; Loại khá: 17GV, tỉ lệ: 37.8%.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên: 100% CBQL, GV hoàn thành bồi dưỡng module đúng thời hạn.
- Số chuyên đề thực hiện trong năm học: 12.

2.5. Thực hiện các phong trào thi đua

- Trường Tập thể LĐXS.
- Tỷ lệ CB-GV-NV toàn trường đạt LĐTT: 70%
- Danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp: 10
- Khen cao: 2
- Thư viện – Thiết bị: Đạt mức 1
- Công tác PCGDTH: Duy trì và nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn mức 3
- Đoàn - Đội: Mạnh
- Công đoàn: Hoàn thành tốt.
- Chi bộ : Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Đơn vị: Cơ quan đạt chuẩn văn hóa, an toàn về an ninh trật tự.
- Trường được công nhận Sạch –xanh – sáng- đẹp- an toàn.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

- Thực hiện theo Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Công văn số 3214/SGDĐT-GDTHMN ngày 08/8/2024 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025 và Công văn số 919/PGDĐT-TH ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Phòng GD&ĐT thành phố Đồng Xoài về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 cấp tiểu học, để xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; chỉ đạo xây dựng kế hoạch bài dạy của giáo viên theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh. Hoàn thành kế hoạch giáo dục nhà trường, trình Hội đồng trường phê duyệt, báo cáo về Phòng GDĐT trước ngày 31/8.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và

đối tượng học sinh, bảo đảm cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình. Trên cơ sở đó, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp; điều chỉnh thời lượng thực hiện; nguồn học liệu và thiết bị dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá; xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện tổ chức dạy học, bảo đảm các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện dạy lồng ghép, tích hợp các nội dung sau: giáo dục của địa phương, giáo dục ATGT, giáo dục Stem, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục kỹ năng công dân số (môn Tin học).....thực hiện với hình thức linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh khi thực hiện.

b) Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ khối 1 đến khối 5 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ GDĐT, Sở GDĐT và Phòng GDĐT ban hành, cụ thể:

- Bảo đảm tỷ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; bảo đảm tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục và tổ chức dạy học hai buổi/ngày theo quy định.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần; kế hoạch giáo dục bảo đảm phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu cần được sắp xếp một cách khoa học, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và theo các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý; các hoạt động bán trú được tổ chức trong khoảng thời gian từ sau giờ học buổi sáng đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều, thông qua hoạt động bán trú góp phần rèn luyện học sinh về kỹ năng sống, đạo đức,

tính kỷ luật, tự phục vụ, trách nhiệm, chia sẻ, yêu thương; việc tổ chức hoạt động bán trú cần linh hoạt, có thể bao gồm các hoạt động: tổ chức ăn trưa, ngủ trưa, vui chơi, giải trí,...cho học sinh; tổ chức ăn trưa, bán trú phải bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh.

- Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh, có thể tổ chức các hoạt động dưới hình thức sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, ...) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí.

c) Tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

** Tổ chức dạy học môn Ngoại Ngữ 1:*

- *Đối với lớp 2:* Triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và thực hiện lựa chọn tài liệu dạy học theo quy định của Bộ GDĐT. Bảo đảm tính liên thông với môn ngoại ngữ thực hiện bắt buộc từ lớp 3; thời lượng dạy học phù hợp với hình thức học làm quen ban đầu, không gây quá tải cho học sinh; thực hiện kiểm tra đánh giá, trong đó chú trọng đánh giá thường xuyên để hỗ trợ học tập, không dùng kết quả đánh giá để xét lên lớp.

- *Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5:* tiếp tục triển khai tổ chức dạy học môn Tiếng Anh từ năm học 2024-2025 bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học theo Kế hoạch số 160/KH-BGDĐT bảo đảm chất lượng, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng đáp ứng của địa phương.

- Nhà trường tổ chức dạy song ngữ cho 3 lớp ở các khối 3,4,5; mỗi khối một lớp. Giáo viên dạy học Tiếng Anh qua các chủ đề Toán và Khoa học...; dạy học một số môn học bằng Tiếng Anh; tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh học Tiếng Anh trực tuyến, các phương tiện truyền thông phù hợp khác và đẩy mạnh thực hành Tiếng Anh qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu.

** Tổ chức dạy học môn Tin học*

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho tất cả học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Tăng cường thời lượng, nội dung theo từng chủ đề, mạch kiến thức nhằm củng cố, khắc sâu các kiến thức trong môn Tin học đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, mở rộng kiến thức Tin học, phát triển năng lực Tin học.

Tổ chức tập huấn, xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

d) Triển khai giáo dục STEM (đính kèm phụ lục 1.5)

- Tổ chức thực hiện giáo dục STEM tiếp cận theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT19, Sở GDĐT với những yêu cầu cụ thể như sau:

- Nhà trường tổ chức thực hiện giáo dục STEM 02 chủ đề/bài học STEM /01 học kì (4 chủ đề /01 năm học) theo hướng tiếp cận theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tăng cường công tác tham mưu bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong nhà trường phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh về vai trò của giáo dục STEM.

e) Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (đính kèm phụ lục 1.6)

Đẩy mạnh việc quán triệt, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương; thực hiện hiệu quả công tác tập huấn giúp giáo viên xác định được cách thức xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương bảo đảm quy định theo Chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với đặc thù của môn học, cấp học, lớp học.

g) Lồng ghép giáo dục ANQP (đính kèm Phụ lục 1.7)

Thực hiện lồng ghép trong các môn học và hoạt động giáo dục đối với từng lớp, theo sách giáo khoa do nhà trường lựa chọn, phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh ở từng địa phương, tập trung vào các môn học: Tiếng Việt; Tự nhiên và Xã hội; Đạo đức; Lịch sử và Địa lí; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Hoạt động trải nghiệm.

- Chủ đề lồng ghép chung từ lớp 1 đến lớp 5: giáo dục tình yêu quê hương, yêu hòa bình, yêu Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; niềm tự hào, tự tôn dân tộc, lòng biết ơn các anh hùng, liệt sĩ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; giới thiệu chủ quyền biển, đảo của Việt Nam; giáo dục tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, có ý thức tổ chức kỉ luật trong học tập.

2. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (đính kèm Phụ lục 1.1)

3. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

3.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (đính kèm Phụ lục 1.2)

3.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính khóa trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (đính kèm Phụ lục 1.3)

4. Khung thời gian thực hiện chương trình, năm học 2024-2025

Thực hiện Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước;

- Ngày tựu trường: lớp 1 là ngày 19/8/2024; lớp 2-5 ngày 26/8/2024;
- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024.
- Học kì I: bắt đầu từ ngày 05/9/2024 đến hết ngày 10/1/2024 (gồm 18 tuần thực học).
- Học kì II: bắt đầu từ ngày 13/01/2025 đến hết ngày 23/5/2025: 17 tuần thực học, nghỉ Tết Nguyên đán (từ 20/01/2025 đến hết 31/1/2025);

Từ 20/5/2024 đến 23/5/2024: dạy bù, hoàn thành hồ sơ sổ sách và chuẩn bị tổng kết năm học.

Kết thúc năm học: Ngày 30/5/2025.

Tại Trường Tiểu học Tân Xuân B thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

4.1. Đối với khối lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (đính kèm Phụ lục 1.4)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (đính kèm Phụ lục 2)

4.2. Đối với khối lớp 2 (thực hiện tương tự như đối với khối lớp 1)

4.3. Đối với khối lớp 3 (thực hiện tương tự như đối với khối lớp 1)

4.4. Đối với khối lớp 4 (thực hiện tương tự như đối với khối lớp 1)

4.5. Đối với khối lớp 5 (thực hiện tương tự như đối với khối lớp 1)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- Năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục tổ chức rà soát thiết bị dạy học, đặc biệt là thiết bị dạy học ở khối lớp 1, 2, 3, 4, 5 để triển khai thực hiện CTGDPT 2018 theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học.

- Tiếp tục tham mưu UBND thành phố đầu tư, mua sắm trang thiết bị dạy học để thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ GDĐT. Vào đầu năm học công khai danh mục, thiết bị đồ dùng dạy học hiện có của nhà trường, chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học, học liệu điện tử trong tổ chức các hoạt động giáo dục, kiên quyết không để tình trạng “Thiết bị đến trường mà không ra lớp”; rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình quy định, ưu tiên đầu tư,

mua sắm bổ sung thiết bị dạy học để đưa vào kế hoạch giai đoạn 2021-2025.

- Nâng cấp thiết bị phòng học Tin học mua bổ sung máy; Sửa chữa, thay thế, bổ sung màn hình Tivi trên lớp học từ nguồn vốn ngân sách.

- Làm tờ trình gửi Phòng GD tham mưu UBND thành phố, Phòng Tài chính sửa chữa lại dây hiệu bộ.

2. Thực hiện công tác đội ngũ

- Phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực viên chức và vị trí việc làm của đơn vị.

- Động viên giáo viên tham gia học nâng trên chuẩn.

- Hỗ trợ giáo viên thực hiện bồi dưỡng thường xuyên để khắc phục những hạn chế trong quá trình đánh giá chuẩn giáo viên.

- Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên quy định, thực hiện tự đánh giá Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng, trên cơ sở đó xây dựng và thực hiện kế hoạch tự bồi dưỡng nâng cao năng lực để đáp ứng theo chuẩn, bảo đảm thực chất. Tổ chức tốt việc bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 gắn với thực tiễn của địa phương theo quy định tại Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên; Thông tư 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông

3. Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Triển khai thực hiện đa dạng các hình thức tổ chức dạy học, xây dựng các phương án, kịch bản cụ thể để tổ chức dạy học phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của người học và hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, cụ thể:

3.1 Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

Nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo quy định; bố trí thời gian thực hiện chương trình hiệu quả bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, bảo đảm cuối năm học học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

3.2. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Nhà trường thực hiện Chương trình Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ GDĐT, Sở

GDĐT và Phòng GDĐT ban hành, cụ thể:

- Bảo đảm tỷ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; bảo đảm tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục và tổ chức dạy học hai buổi/ngày theo quy định.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học 10 buổi/tuần với 32 tiết/tuần; kế hoạch giáo dục bảo đảm phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu cần được sắp xếp một cách khoa học, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và theo các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý; các hoạt động bán trú được tổ chức trong khoảng thời gian từ sau giờ học buổi sáng đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều, thông qua hoạt động bán trú góp phần rèn luyện học sinh về kỹ năng sống, đạo đức, tính kỷ luật, tự phục vụ, trách nhiệm, chia sẻ, yêu thương; việc tổ chức hoạt động bán trú cần linh hoạt, có thể bao gồm các hoạt động: tổ chức ăn trưa, ngủ trưa, vui chơi, giải trí,...cho học sinh; tổ chức ăn trưa, bán trú phải bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh.

- Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh, có thể tổ chức các hoạt động dưới hình thức sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, ...) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí. Thành lập ít nhất 3 câu lạc bộ, bao gồm: Câu lạc bộ bóng đá, Câu lạc bộ Vívonam, Câu lạc bộ tiếng Anh.

3.3. Tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình cấp tiểu học

*) Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh (Ngoại ngữ 1)

- Đối với lớp 1 và lớp 2: Triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Khi triển khai dạy học tự chọn Ngoại ngữ 1 ở lớp 1, lớp 2 cần chú ý bảo đảm tính liên thông với môn ngoại ngữ thực hiện bắt buộc từ lớp 3; thời lượng dạy học là 1 tiết/tuần phù hợp với hình thức học làm quen ban đầu, không gây quá tải cho học sinh; thực hiện kiểm tra đánh giá, trong đó chú trọng đánh giá thường xuyên để hỗ trợ học tập, không dùng kết quả đánh giá để xét lên lớp.

- Đối với lớp 3,4 và lớp 5: triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học

môn ngoại ngữ bắt buộc; lựa chọn môn Tiếng Anh đã có đủ điều kiện triển khai (đã được Bộ GDĐT phê duyệt danh mục SGK) phù hợp với khả năng tổ chức của nhà trường, nhu cầu học sinh và của cha mẹ học sinh, bảo đảm tính liên thông và theo các yêu cầu được quy định trong chương trình môn ngoại ngữ và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT.

- Triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học theo Kế hoạch số 160/KH-BGDĐT bảo đảm chất lượng, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng đáp ứng của địa phương.

- Tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh học ngoại ngữ qua truyền hình, các phương tiện truyền thông, các nguồn học liệu phù hợp khác. Đẩy mạnh thực hành ngoại ngữ qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, hoạt động tạo môi trường ngoại ngữ ngoài lớp học, các sân chơi, giao lưu cho học sinh.

***) Tổ chức dạy học môn Tin học**

- Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4 và lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT16. Căn cứ vào điều kiện thực tế, đội ngũ giáo viên, linh hoạt các giải pháp tăng cường hoạt động giáo dục Tin học và giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh lớp 1, lớp 2 để thực hiện “hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số” đồng thời làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3, lớp 4, lớp 5. Đối với lớp 3, lớp 4, lớp 5 tăng cường thời lượng, nội dung theo từng chủ đề, mạch kiến thức nhằm củng cố, khắc sâu các kiến thức trong môn Tin học đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, mở rộng kiến thức Tin học, phát triển năng lực Tin học.

- Tổ chức tập huấn, xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

3.4. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông

Đẩy mạnh việc quán triệt, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương; thực hiện hiệu quả công tác tập huấn giúp giáo viên xác định được cách thức xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương bảo đảm quy định theo Chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với đặc thù của môn học, cấp học, lớp học.

3.5. Triển khai giáo dục STEM

Tổ chức thực hiện giáo dục STEM tiếp cận theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT với những yêu cầu cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục STEM đại trà ở tất cả các khối lớp, tổ chức tập huấn, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, tổ chức hội nghị chuyên đề, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm theo hướng dẫn của Phòng GDĐT.

- Tăng cường công tác tham mưu bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất

để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục tiểu học phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh về vai trò của giáo dục STEM. Trong quá trình triển khai thực hiện tại trường cần hướng dẫn giáo viên sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định.

3.6. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai hiệu quả phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học, học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hiện tiến trình dạy học mỗi bài học thành các hoạt động học với sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành; cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GDĐT24 để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên. Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

3.7. Xây dựng kế hoạch bơi và phòng chống đuối nước cho học sinh:

- Căn cứ Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 30/5/2024 của UBND thành phố Đồng Xoài về Kế hoạch tổ chức lớp phổ cập bơi và phòng chống đuối nước cho học sinh các Trường Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố năm 2024 và công văn số 1043/PGDĐT-TH ngày 09/9/2024 về việc Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền vận động công tác phổ cập bơi và phòng chống đuối nước cho học sinh năm học 2024-2025. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch bơi và phòng chống đuối nước cho học sinh năm học 2024 - 2025, triển khai kế hoạch đến toàn thể các lớp, tổ chức cho CMHS từng lớp cam kết cho con tham gia học bơi trong năm 2024 – 2025.

- Chỉ tiêu: Phần đầu đến hết năm học 2024-2025 tỷ lệ học sinh biết bơi đạt tối thiểu 75%.

4. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh tiểu học

- Năm học 2024-2025 học sinh toàn trường học Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được thực hiện đánh giá theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

- Thực hiện bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

- Tiếp tục xây dựng ma trận đề khi tổ chức ra đề, kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo các mức độ theo quy định.

5. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn.

5.1. Quy định về thời gian làm việc

- Thời gian làm việc là 42 tuần (35 tuần thực học, 5 tuần dành cho học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, 1 tuần chuẩn bị cho năm học mới và 1 tuần chuẩn bị cho tổng kết năm học)

- Thời gian dạy trên lớp: Mỗi tiết dạy từ 35-40 phút (*phải đảm bảo về kiến thức, kỹ năng cơ bản*).

- Không được bỏ tiết, đi muộn về sớm, không được tự ý đổi tiết cho nhau khi chưa có sự nhất trí của ban giám hiệu.

5.2 Chế độ hội họp

- Tuần 1: Họp Hội đồng sư phạm + Đoàn thể

- Tuần 2: Sinh hoạt chuyên môn trường + Tổ khối

- Tuần 4: Sinh hoạt chuyên môn tổ khối

5.3 Chế độ dự giờ, thao giảng, làm đồ dùng, viết sáng kiến giải pháp:

- Mỗi giáo viên dự giờ 2 tiết/ tháng theo quy định.

- Thao giảng 4 tiết/năm (mỗi khối thực hiện 2 tiết NCBH).

- Làm 02 đồ dùng dạy học/năm (*Khuyến khích giáo viên làm đồ dùng dạy học thiết bị số, Video hoặc bài giảng E-learning cho HS tự học*).

- Tham gia viết sáng kiến giải pháp cấp trường: không hạn chế, thành phố: 22.

5.4 Quy định về soạn giảng

- Thực hiện giảng dạy, giáo dục học sinh đảm bảo chất lượng theo chương trình và kế hoạch giáo dục, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

- Nghiên cứu, soạn Kế hoạch bài dạy (KHBD) trước 01 tuần. Lên lớp phải có KHBD và các loại sổ sách theo quy định.

- KHBD thực hiện theo mẫu của Công văn 2345/BGD-GDTH ngày 7/6/2021.

- Các tiết dạy đều phải chuẩn bị và sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, đồ dùng

dạy học sẵn có hoặc tự làm.

6. Thực hiện các phong trào thi đua

6.1. Chỉ tiêu chung :

- Trường HT XSNNV, đề nghị UBND tỉnh tặng bằng khen.
- Tổ được đề nghị khen: 2 tổ
- Tỷ lệ CB-GV-NV toàn trường đạt LĐTT: trên 95%
- Đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 15
- Đề nghị khen các cấp: Tất cả GV, NV đủ điều kiện
- Thư viện – Thiết bị: Mức 1
- Công tác PCGDTH: Duy trì và nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn mức 3
- Đoàn - Đội: Mạnh
- Công đoàn: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Chi bộ : Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Đơn vị: Đạt chuẩn văn hóa , an toàn về An ninh trật tự (Trường: “Sạch, xanh , sáng, đẹp, an toàn”; “nhà VS sạch, xanh, thân thiện”).

6.2. Giải pháp

Nhà trường tiếp tục đổi mới công tác quản lí, tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, giáo dục học sinh, chú trọng bồi dưỡng chất lượng đội ngũ, thực hiện tốt các phong trào thi đua. Tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện, thoải mái, trách nhiệm, kỷ luật trong tập thể đơn vị. Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực cho các thành viên tích cực phấn đấu.

Nội dung của các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành luôn gắn chặt với việc triển khai từng nhiệm vụ trong năm học. Các phong trào được thực hiện sáng tạo, tùy theo điều kiện thực tế để có những cải tiến thích hợp. Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo, củng cố kết quả các cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, "Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo". Cán bộ - Giáo viên - Công nhân viên tự giác học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, có ý thức quyết tâm làm theo, không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, năng lực, tạo uy tín để HS noi theo như: đảm bảo ngày giờ công, lên lớp đúng giờ, thực hiện đúng kế hoạch chương trình, không cắt tiết, bỏ giờ dạy các loại hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Thực hiện cuộc vận động “Hai không” với 4 nội dung “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và không để HS ngồi nhầm lớp”. Tuyên truyền vận động Cán bộ - Giáo viên -

Công nhân viên thực hiện chủ đề: Nêu cao tinh thần trách nhiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm.

7. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và đảm bảo hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

a) Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục

Chỉ tiêu kế hoạch tỷ lệ học sinh nghỉ bỏ học, chưa hoàn thành chương trình lớp học cấp tiểu học toàn trường, năm học 2024-2025 như sau:

Tỷ lệ HS bỏ học: 0%

Tỷ lệ HSDTTS bỏ học: 0%

Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học: $\geq 99,4\%$

Tỷ lệ HS DTTS hoàn thành chương trình lớp học: $\geq 99\%$.

Nhà trường tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác phối hợp với các trung tâm học tập cộng đồng để tổ chức khai các giải pháp phù hợp khuyến khích đối tượng xóa mù chữ tham gia học tập; tăng cường công tác tập huấn, điều tra, phúc tra, nhập số liệu vào hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ và thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó tập trung mức độ đạt chuẩn gắn liền với các điều kiện bảo đảm nhằm tạo nền tảng củng cố, nâng cao thực chất chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, bảo đảm thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

b) Thực hiện hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Tiếp tục duy trì việc tự đánh giá và triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng sau kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GDĐT.

8. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật

Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật, xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật tại địa phương theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật. Tăng cường giáo dục hòa nhập. Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, được học hòa nhập, được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc tổ chức dạy học cho học sinh khuyết tật phải được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của

học sinh khuyết tật. Tổ chức tập huấn cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật học hoà nhập.

9. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số.

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030” phù hợp với kế hoạch, đề án triển khai thực hiện tại địa phương. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng cho đội ngũ giáo viên bảo đảm tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến (tổ chức các tiết dạy học, các hoạt động giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn... bằng hình thức trực tuyến) đạt từ 2% đến 5% ở cấp tiểu học; khuyến khích duy trì phương thức dạy học trực tuyến đối với một số hoạt động giáo dục; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

Thực hiện thí điểm một số nội dung chuyển đổi số (Thư viện số, Quản lý hồ sơ chuyên môn trên môi trường số, Kho học liệu số) theo kế hoạch của Bộ GDĐT, Sở GDĐT. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; bồi dưỡng đội ngũ về kỹ năng công nghệ thông tin sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi số theo kế hoạch.

b) Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua dạy học môn Tin học, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

c) Triển khai Học bạ số

Thực hiện triển khai chất lượng, hiệu quả Học bạ số từ năm học 2024-2025 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT và thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số

quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo.

10. Đẩy mạnh phối hợp với CMHS; Tăng cường công tác truyền thông về giáo dục cụ thể là truyền thông và tiếp cận dần mô hình trường học thông minh, thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

- Nhà trường luôn phối kết hợp chặt chẽ với Ban Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc giáo dục học sinh, lấy ý kiến của phụ huynh trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục và xây dựng cảnh quan trường lớp từ các nguồn kinh phí vận động tài trợ. Vận động kịp thời các trường hợp khó khăn có nguy cơ bỏ học.

- Trên cơ sở kế hoạch thực hiện trường học thông minh thí điểm của ngành, nhà trường tăng cường công tác truyền thông về giáo dục, tổ chức các hình thức tuyên truyền, vận động trong cán bộ, giáo viên và học sinh, phụ huynh học sinh và nhân dân hiểu nhận thức rõ tầm quan trọng, tác dụng của mô hình “lớp học thông minh - trường học thông minh”, tổ chức tiếp cận, thực hiện từng bước căn cứ theo từng mức độ. Đặc biệt việc bồi dưỡng cho đội ngũ về kiến thức kỹ năng tin học và sử dụng thiết bị dạy học hiện đại; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học từ các nguồn ngân sách tiết kiệm được, nguồn xã hội hóa theo hình thức tự nguyện đóng góp và các nguồn hỗ trợ ủng hộ khác.

Năm học 2024 – 2025 nhà trường tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%, chú trọng tuyên truyền, phối hợp triển khai và hướng dẫn, hỗ trợ cho tất cả CMHS của các lớp thực hiện việc đóng góp các khoản bằng hình thức chuyển khoản không thu tiền mặt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

- Tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch. Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc.

- Tăng cường công tác tham mưu xây dựng cơ sở vật chất thiết bị của nhà trường và làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

- Tổ chức các hoạt động hội thi, phong trào thi đua dạy tốt học tốt trong năm học.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.

- Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.
- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.
- Tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý.

2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường.
- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên công tác tự bồi dưỡng, bồi dưỡng chuyên môn của tổ khối, giáo viên.
- Chủ trì xây dựng quy chế chuyên môn. Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn nhà trường bám theo Quy chế chuyên môn đã xây dựng.
- Kiểm tra, giám sát, tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá việc triển khai Kế hoạch giáo dục nhà trường, Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp của các tổ chuyên môn, của mỗi giáo viên.
- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, Đoàn đội, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.
- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường Tiểu học.
- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.
- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.
- Duyệt tất cả các hoạt động tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học.
- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý.

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp của tổ chuyên môn.
- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên công tác tự bồi dưỡng, bồi dưỡng chuyên môn của giáo viên trong tổ.
- Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn của tổ khối bám theo Quy chế chuyên môn đã xây dựng.
- Kiểm tra, giám sát, tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá giáo viên trong tổ khối.

4. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ, câu lạc bộ...
- Phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, các lực lượng giáo dục khác tổ chức các hoạt động Đội, Sao nhi đồng, trọng tâm là các hoạt động rèn kỹ năng sống cho học sinh.
- Phối hợp với thư viện, thiết bị tổ chức các hoạt động thu hút bạn đọc đến với thư viện.
- Kết hợp với GVCN tổ chức các hoạt động ngoại khóa, chuyên đề theo phân công của ban giám hiệu.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội. Tham gia giảng dạy 2 tiết/tuần.

5. Giáo viên chủ nhiệm

- Triển khai, thực hiện giảng dạy các môn học theo chỉ đạo của Hiệu trưởng.
- Xây dựng kế hoạch cá nhân, thời khóa biểu cụ thể cho lớp mình quản lí.
- Phối hợp với tổng phụ trách đội tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khóa...
- Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học.
- Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại lớp mình phụ trách.

6. Giáo viên phụ trách môn học

- Triển khai, thực hiện giảng dạy môn học theo chỉ đạo của Hiệu trưởng.
- Xây dựng kế hoạch cá nhân, phối hợp GVCN lớp xây dựng thời khóa biểu..
- Phối hợp với GVCN, tổng phụ trách đội tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khóa...
- Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn. Đổi mới phương pháp dạy học. Phối kết hợp chặt chẽ với GVCN trong công tác quản lý, giáo dục học sinh....
- Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục.

7. Nhân viên Thư viện – Thiết bị

- Tham mưu Hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị.
- Tổ chức giới thiệu sách, thiết bị. Phát huy hiệu quả mô hình Thư viện có trong nhà trường: Thư viện thân thiện, Thư viện Xanh và Thư viện Lớp em. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả

thiết bị và đồ dùng dạy học:

- Tham mưu tổ chức ngày Hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách; tham mưu hội thi làm đồ dùng dạy học.

- Sau khi kết thúc năm học cùng với nhân viên văn phòng tiến hành phân loại, sắp xếp các loại hồ sơ, sổ sách của các bộ phận, trong trường một cách khoa học

8. Nhân viên kế toán

- Hàng tháng tính lương BCGVNV, trích lương để đóng bảo hiểm: BHXH, BHYT, BHTN,... theo dõi quyết định nâng lương, PCTNNG định kỳ theo quy định và theo dõi hồ sơ Hợp đồng thỉnh giảng biên chế trống, người lao động;

- Cuối kỳ thực hiện kết chuyển các nghiệp vụ, lên sổ sách và báo cáo tài chính, tài sản, báo cáo quyết toán: Thực hiện các bút toán để xử lý các loại dự toán, các nguồn kinh phí, các khoản thu hộ, chi hộ, thu thỏa thuận cũng như các khoản chi khác vào cuối niên độ kế toán .

9. Nhân viên Y tế

- Chịu trách nhiệm về công tác y tế, chăm sóc học sinh; Tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, cách bảo vệ sức khỏe cho GV, HS.

10. Nhân viên Văn thư

- Soạn thảo và ban hành văn bản: Hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện soạn thảo, ban hành văn bản của nhà trường đảm bảo đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định.

- Quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ tài liệu vào Lưu trữ cơ quan: Thực hiện việc quản lý văn bản đi, văn bản đến và hướng dẫn, nộp lưu hồ sơ, tài liệu cơ quan, tổ chức theo Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn quản lý văn bản. lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu.

- Quản lý và sử dụng con dấu: Quản lý an toàn, chặt chẽ đúng quy định của nhà nước về quản lý và sử dụng con dấu trong công tác văn thư theo Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.

- Thường xuyên cập nhật quản lý văn bản đi, đến; Cập nhật, lưu trữ, chuyển đến các bộ phận và cấp trên kịp thời, đầy đủ tất cả các công văn đi, đến. Theo dõi việc thực hiện công văn đến và đôn đốc, nhắc nhở các bộ phận, tổ chức thực hiện theo thời gian quy định.

- Sắp xếp, lưu trữ các loại hồ sơ viên chức, tuyển sinh ra trường theo chủng loại để dễ tìm kiếm.

- Yêu cầu cá nhân, tập thể thực hiện các chế độ báo cáo. Từ chối và yêu cầu làm lại các hồ sơ, các báo cáo không chính xác hoặc không đúng theo quy định.

- Sau khi kết thúc năm học tiến hành phân loại, sắp xếp các loại hồ sơ, sổ sách, sổ điểm, của các bộ phận, trong trường một cách khoa học.

11. Bảo vệ - Phục vụ

- Nhân viên bảo vệ trực trường 24/24, kiểm tra chặt chẽ an ninh trật tự, chăm sóc cây kiểng thường xuyên. Bảo vệ cơ sở vật chất, tài sản của nhà trường, giáo viên, học sinh, khách đến làm việc tại trường. Ghi chép đầy đủ nhật ký ca trực.

- Làm việc với thái độ văn minh, lịch sự, niềm nở chu đáo khi đón khách đến trường. Thường xuyên đi lại, quan sát, bảo vệ an ninh trật tự trường học, bảo vệ tài sản của nhà trường.

- Bảo vệ trật tự an ninh nhà trường, thực hiện tốt công tác vệ sinh trường lớp, xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Nhân viên phục vụ tiến hành công việc hằng ngày: quét sân trường và xử lý rác; lau phòng học và khu văn phòng; dọn nhà vệ sinh.

12. Công tác kiểm tra

12.1. Yêu cầu

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ để phát hiện, điều chỉnh những việc chưa hợp lý và tuyên dương những cá nhân, tổ khối tích cực, sáng tạo.

- Thông qua công tác kiểm tra để rút kinh nghiệm, hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời cho tất cả cá nhân, tổ khối về việc thực hiện nhiệm vụ.

12.2. Biện pháp thực hiện

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, thành lập ban kiểm tra nội bộ nhà trường.

- Thường xuyên kiểm tra theo kế hoạch kết hợp kiểm tra đột xuất để kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, hạn chế nhằm giúp các bộ phận hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

12.3. Chế độ thông tin, báo cáo

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất; thực hiện linh hoạt chế độ báo cáo nhanh bằng thư điện tử nhằm thu thập và quản lí thông tin kịp thời, thông suốt giữa các bộ phận trong nhà trường, các cấp quản lí giáo dục từ sở, phòng.

- Công khai chất lượng giáo dục bằng nhiều hình thức đến phụ huynh và các lực lượng xã hội để tạo niềm tin cho cộng đồng về giáo dục tiểu học: mời CMHS đến tham dự các tiết học, tham gia công tác xã hội hóa và cùng giám sát các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm ngoài nhà trường, công tác bán trú, vệ sinh an toàn thực phẩm,...

- Thực hiện thông báo kết quả đánh giá hoạt động giáo dục cũng như đánh giá về năng lực phẩm chất học sinh ở mỗi kì kiểm tra đến từng phụ huynh học sinh thông qua sổ liên lạc điện tử đảm bảo kịp thời và đầy đủ.

- Cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện quy chế dân chủ; công khai định kỳ kết quả kiểm tra, đánh giá thực hiện Nghị quyết hội nghị Viên chức Người lao động.

- Cập nhật kịp thời các hoạt động, thông tin của nhà trường trên trang Web. Tiếp tục phát triển hệ thống cổng thông tin điện tử.

dẫn, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- BGH nhà trường;
- CB-GV-NV nhà trường;
- Website của trường;
- Lưu VT.



PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ

Kế hoạch này đã được thông qua Phòng GD&ĐT ngày 18/10/2024.

